

Số: 308 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cải tạo nâng cấp QL.7 đoạn Km0 - Km36 và xử lý sụt trượt do bão lũ đoạn Khe Thoi - Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cải tạo nâng cấp QL.7 đoạn Km0 - Km36 và xử lý sụt trượt do bão lũ đoạn Khe Thoi - Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An họp ngày 27/01/2022;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cải tạo nâng cấp QL.7 đoạn Km0 - Km36 và xử lý sụt trượt do bão lũ đoạn Khe Thoi - Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An họp ngày 27/01/2022;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cải tạo nâng cấp QL.7 đoạn Km0 - Km36 và xử lý sụt trượt do bão lũ đoạn Khe Thoi - Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 1331/TCĐBVN-KHCN,MT&HTQT ngày 10/3/2022 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cải tạo nâng cấp QL.7 đoạn Km0 - Km36 và xử lý sụt trượt do bão lũ đoạn Khe

Thoi - Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi là Dự án) của Tổng cục Đường bộ Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Diễn Châu, Yên Thành, Đô Lương và Tương Dương, tỉnh Nghệ An với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Vụ Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra sự tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Môi trường; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông; Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Sở TN&MT tỉnh Nghệ An;
- Công TTĐT Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: VT, MT_(Huyện).

[Handwritten mark]

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Đình Thọ



PHỤ LỤC

CÁC NGÀNH ĐUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA Dự án Cải tạo nâng cấp QL.7 đoạn Km0 - Km36 và xử lý sụt trượt do bão lũ đoạn Khe Thơi - Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số 308 /QĐ-BGTVT ngày 14/3/2022 của Bộ GTVT)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

a) Tên dự án

Cải tạo nâng cấp QL7 đoạn Km0 - Km36 và xử lý sụt trượt do bão lũ đoạn Khe Thơi - Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An.

b) Chủ dự án

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

- Địa chỉ liên hệ: Ô D20 KĐT mới Cầu Giấy, đường Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02438 571 444; Fax: 02438 571 440.

- Ban Quản lý dự án: Ban quản lý dự án 4; Địa chỉ liên hệ: số 354, đường Lê Nin, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 02383 520 427; Fax: 02383 834 609.

c) Địa điểm thực hiện

Thị trấn Diễn Châu, xã Diễn Phúc, xã Diễn Cát và xã Minh Châu, huyện Diễn Châu; xã Vĩnh Thành, xã Viên Thành, xã Bảo Thành, xã Công Thành, xã Khánh Thành và xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành; xã Hòa Sơn, xã Thịnh Sơn, xã Văn Sơn, xã Yên Sơn, thị trấn Đô Lương và xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương; xã Lưu Kiên, huyện Tương Dương.

1.2. Phạm vi, quy mô thực hiện; các hạng mục công trình

a) Công trình đường

- Đoạn Km0 - Km36: Điểm đầu tại Km0+00/QL7 (giao với quốc lộ 1A khoảng Km425+00), thị trấn Diễn Châu; điểm cuối tại Km35+225/QL7 (đầu cầu Đô Lương), thị trấn Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Tổng chiều dài tuyến khoảng 27,5Km. (Phạm vi dự án không bao gồm các đoạn: Km9+600-Km10+164; Km15+593 - Km16+640 và Km27+00 - Km33+036).

+ Cấp đường: Đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-2005), tốc độ thiết kế $V_{tk} = 80$ km/h; riêng các đoạn qua khu vực đô thị (đoạn Km0+00 - Km2+00; Km6+00 - Km7+00; Km16+640 - Km19+00; Km33+036 - Km35+225) là đường phố chính đô thị thứ yếu theo tiêu chuẩn TCXDVN 104-2007, tốc độ thiết kế $V_{tk} = 60$ km/h.

+ Quy mô mặt cắt ngang tại các đoạn tuyến như sau:

Các đoạn Km4+800 - Km6+00; Km7+00 - Km9+600; Km10+164 - Km15+593; Km19+00 - Km27+00: Đường cấp III đồng bằng, 02 làn xe cơ giới, bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 12,0\text{m}$, bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 11,0\text{ m}$, bố trí rãnh dọc đoạn qua khu vực dân cư hiện trạng.

Đoạn Km2+00 - Km4+800: Đường cấp III đồng bằng, 04 làn xe cơ giới, bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 20,5\text{m}$, bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 19,5\text{ m}$, bố trí rãnh dọc đoạn qua khu vực dân cư hiện trạng.

Các đoạn qua khu vực đô thị (Km0+00 - Km2+00; Km6+00 - Km7+00; Km16+640 - Km19+00; Km33+036 - Km35+225): Đường phố chính đô thị thứ yếu, 04 làn xe cơ giới, bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 23,5\text{m} \text{ :-} 28,0\text{m}$, bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 17,5\text{m} \text{ :-} 21,0\text{m}$.

- Xử lý sụt trượt khắc phục hậu quả bão lũ đoạn Khe Thơi - Nậm Cắn: Điểm đầu tại Km170+191 QL7, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; Điểm cuối tại Km219+020, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An; Tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, 02 làn xe đồng bộ với quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 7 đoạn Khe Thơi - Nậm Cắn.

- 09 nút giao cùng mức, bao gồm: nút giao tại Km0+000 với QL1A; nút giao Km4+039 giao với QL48E; nút giao Km4+726 với nhánh lên xuống cao tốc Bắc - Nam; nút giao Km11+732.02 với TL 537B; nút giao Km14+387 với QL48E phía phải tuyến; nút giao Km14+563 với QL48E phía trái tuyến; nút giao Km18+63 với QL7B; nút giao Km20+997.61 giao với QL7B phía trái tuyến; nút giao Km35+225 giao đường nội thị trấn Đô Lương.

- Đường giao: Các vị trí giao với đường dân sinh được thiết kế vượt nổi êm thuận đảm bảo ATGT, quy mô phù hợp đường hiện trạng.

b) Công trình cầu

- 07 công trình cầu trên tuyến thiết kế theo tiêu chuẩn từ TCVN11823-1:2017 đến TCVN11823-14:2014, bề rộng cầu phù hợp với bề rộng nền đường, trong đó:

+ 01 cầu vượt đường sắt với bề rộng cầu (10,5+0,5+10,5) m tại Km2+415,8 dài 318,30 m.

+ 06 cầu vượt dòng chảy bao gồm: cầu Đậu tại Km3+703,6 dài 55,15 m, bề rộng cầu 10,5 m; cầu Diễn Bình tại Km5+687,5 dài 30,10 m, bề rộng cầu 12,0 m; cầu Diễn Minh tại Km Km8+621,7 dài 20,10 m, bề rộng cầu 12,0 m; cầu Khe Chứa tại Km13+840 dài 23,10 m, bề rộng cầu 12,0 m; cầu Cao tại Km18+980 dài 15,9 m, bề rộng cầu (13,0+2,0+13,0) m; cầu Tràng Kè tại Km21+950 dài 23,10 m, bề rộng cầu 12m.

c) Công trình phụ trợ

- Công trình thoát nước:

+ Thoát nước ngang: Công thoát nước lưu vực và công cấu tạo bố trí trên cơ sở tính toán thủy văn, thủy lực đảm bảo đủ khả năng thoát nước, không làm ảnh hưởng đến điều kiện thủy văn, thủy lợi khu vực tuyến đi qua. Đoạn tuyến thiết kế

tổng cộng 40 cống làm mới và 17 cống nối dài.

+ Thoát nước dọc: Bố trí rãnh hình thang những đoạn qua nền đường đào hoặc đắp thấp, kích thước (40x40x120)cm. Đối với đoạn qua khu đô thị và dân cư hiện trạng bố trí rãnh dọc bằng cống tròn bê tông cốt thép đường kính $D=(0,75\sim 2,0)m$.

- Tổ chức giao thông: Hệ thống an toàn giao thông (vạch sơn, biển báo, cọc tiêu, tường hộ lan mềm,...) theo tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

d) Giải phóng mặt bằng

- Đối với các đoạn tuyến thông thường: cọc giải phóng mặt bằng cắm tại vị trí từ chân ta luy nền đường hoặc mép ngoài công trình ra mỗi bên 2m. Mốc hành lang an toàn đường bộ từ chân ta luy ra 15m.

- Đối với đoạn qua đô thị (khu đông dân cư và trong khu quy hoạch): cọc giải phóng mặt bằng cắm tại mép ngoài cùng của hệ thống thoát nước dọc cộng thêm 1m.

- Phạm vi GPMB đối với cầu: từ mép ngoài công trình ra mỗi bên 7m.

Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 12,36 ha đất với chủ yếu là đất ở nông thôn 35.931,75 m²; đất ở đô thị 129,397 m²; đất phi nông nghiệp 6.512,02 m²; đất nông nghiệp 48.227,93 m²; đất chưa sử dụng 3.734,69 m²; đất giao thông 2.389,4 m²; đất thủy lợi 1.615,72 m²; đất ao hồ 167,3 m²; đất đồi rừng 24.892,59 m².

đ) Bãi chứa đất đá thải loại

12 bãi chứa đất đá loại đã có văn bản xác nhận của UBND cấp xã; khả năng tiếp nhận 702.500 m³ tại: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu (02 bãi); xã Vĩnh Thành, xã Long Thành, xã Bảo Thành, xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành (04 bãi); xã Thịnh Sơn, xã Bắc Sơn, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương (05 bãi); xã Lưu Kiên, huyện Tương Dương (01 bãi).

1.3. Biện pháp thi công chính

a) Biện pháp thi công đối với công trình đường

- Chuẩn bị mặt bằng công trường: Phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công; san ủi mặt bằng công trường; thi công nhà công vụ, nhà ở công nhân, nhà điều hành, kho bãi lán trại.

- Thi công xử lý nền đường:

+ Đối với các đoạn nền đắp thông thường: đào bỏ lớp đất yếu bề mặt chiều dày 0,5m tại các khu vực vùng trũng ngập nước tuyến, trải vải địa kỹ thuật loại gia cường, đắp thay bằng cát với hệ số đầm chặt $K=0,95$.

+ Đối với đoạn tuyến đi qua khu vực đông dân cư, ít ngập nước: đào bỏ hữu cơ với bề dày 30-50cm, đắp thay bằng đất với hệ số đầm chặt $K=0,95$, tiến hành đắp đất hoàn thiện nền đường độ chặt $K=0,95$ đến cao độ thiết kế.

+ Đối với các vị trí tuyến đi qua ao, mương hiện trạng, tiến hành nạo vét, đào

bỏ hết lớp đất bùn nhão dưới đáy ao mương, đắp thay bằng đất hệ số đầm chặt $K=0,95$, đắp đất nền đường $K=0,95$ như đối với nền đắp thông thường.

- Thi công nền đường:

+ Đào đất đến cao độ quy định trên các bản vẽ mặt cắt ngang chi tiết;

+ Thi công đắp trả nền từng lớp theo thiết kế, lắp đặt thiết bị quan trắc chuyển vị và quan trắc lún.

+ Đắp nền đến lớp nền hạ $K \geq 0,95$ theo thiết kế để đảm bảo ổn định nền đường.

+ Thi công lớp nền thượng dày 30cm $K \geq 0,98$.

- Thi công lớp móng, mặt đường: thi công lớp móng cấp phối đá dăm theo quy trình thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2011. Thi công lớp mặt đường bê tông nhựa tuân thủ quy trình thi công và nghiệm thu TCVN 8819:2011. Trong quá trình thi công cần phải bảo đảm an toàn giao thông, không để tai nạn xảy ra.

- Thi công nút giao: cấm cọc tim tuyến, tổ chức lại giao thông, phát cây, dây cở, vét lớp hữu cơ,... tiến hành đắp từng lớp và lu lèn theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đất, đá thải loại được vận chuyển đi đổ tại bãi chứa đất đá loại.

b) Biện pháp thi công đối với công trình cầu

- Chuẩn bị mặt bằng công trường: phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công; san ủi mặt bằng công trường; thi công nhà công vụ, nhà ở công nhân, nhà điều hành, kho bãi lán trại; thi công bãi gia công vật liệu.

- Thi công móng, trụ: định vị tim móng trụ, tim cọc; thi công cọc khoan nhồi; đào hố móng, đổ bê tông bê móng móng, trụ tại chỗ; lắp dựng đà giáo, ván khuôn, cốt thép đổ bê tông các bộ phận còn lại của móng, trụ.

- Thi công kết cấu nhịp: đầm được đúc trên nền đường đầu cầu và lao kéo dọc vào vị trí trên đầm dẫn hoặc lao kéo bằng xe lao chuyên dụng; thi công đầm ngang, mối nối dọc đổ bê tông tại chỗ; đổ bê tông lan can, lớp mặt cầu, hoàn thiện cầu; thanh thải mặt bằng công trường, bàn giao cầu đưa vào sử dụng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

TT	Giai đoạn của dự án	Các tác động môi trường chính
1	Thi công	Việc chiếm dụng đất gây ảnh hưởng đến sinh kế, cuộc sống của các hộ dân bị ảnh hưởng; hoạt động phá dỡ nhà cửa, công trình hạ tầng,... khu vực dự án tạo mặt bằng thi công phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường và nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông đường bộ, sự cố bom mìn,...

		Hoạt động thi công đường, cầu, nút giao, đường gom, hoạt động thi công các hạng mục công trình phụ trợ trên tuyến và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải gây phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải thi công xây dựng, rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (đất thải, phế thải thi công), chất thải nguy hại, rung chấn, tiếng ồn; ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ, hoạt động nông nghiệp, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, tai nạn giao thông đường bộ, cháy nổ, nút công trình dân dụng.
2	Vận hành	Hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn, rung chấn và nguy cơ sự cố an toàn giao thông, sụt lún công trình.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực lán trại trong 10 công trường thi công với tổng lượng khoảng 50 m³/ngày (5 m³/ngày/công trường). Thành phần của nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

b) Nước thải xây dựng

Hoạt động rửa phương tiện, thiết bị tại công trường thi công phát sinh nước thải xây dựng với khối lượng khoảng 03 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh chủ yếu trong giai đoạn chuẩn bị và thi công của dự án từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công đường, nút giao, đường gom, cầu, các hạng mục công trình phụ trợ trên tuyến và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC_s,...

- Trong giai đoạn vận hành, hoạt động dòng xe trên đường phát sinh bụi, khí thải từ phương tiện giao thông và bụi cuốn từ đường. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC_s,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khối lượng sinh khối khoảng 309,33 m³. Thành phần chủ yếu gồm: chất thải thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây.

- Hoạt động phá dỡ nhà cửa, các công trình hạ tầng phục vụ thi công phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 1.530 m³. Thành phần chủ yếu gồm: đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu.

- Hoạt động đào, đắp, thi công các hạng mục đường, nút giao, đường gom, cầu và các công trình phụ trợ phát sinh bao bì, sắt, thép, gỗ,... với tổng khối lượng khoảng 526,5 kg/ngày và đất thải, đất lèn bentonite với tổng khối lượng khoảng 3.862 m³.

- Hoạt động của cán bộ, công nhân viên dự án tại 10 công trường thi công phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với tổng khối lượng khoảng 250 kg/ngày (25 kg/công trường). Thành phần chủ yếu gồm: bao bì giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Hoạt động bảo trì, duy tu công trình trong giai đoạn vận hành phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng 2 - 3m³/đợt bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu là bê tông, cọc tiêu hỏng,....

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu đối với phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 15 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin, hộp mực in thải.

- Không phát sinh trong giai đoạn vận hành.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Giai đoạn thi công:

+ Bố trí 02 nhà vệ sinh di động với bể tự hoại (thể tích 01 m³) tại mỗi công trường thi công; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.

+ Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công không phóng uế bừa bãi, không thải trực tiếp nước thải ra môi trường xung quanh.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

b) Nước thải xây dựng

- Giai đoạn thi công:

+ Thu gom toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa phương tiện, thiết bị vào 01 bể lắng cấu tạo gồm 03 ngăn, kích thước (2x1x1,5) m, dung tích 03 m³.

+ Nước sau khi lắng tại bể lắng được sử dụng để phun làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công:

+ Lập rào chắn xung quanh các bãi chứa đất tạm thời có thể tích lớn hơn 20m³ để tránh phát tán bụi.

+ Phương tiện và xe, máy sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Phương tiện vận chuyên chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải.

+ Phun nước giảm bụi trên công trường; rửa tất cả các xe vận chuyên trước khi ra khỏi công trường.

+ Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận.

+ Hạn chế thổi bụi vào các ngày có gió to, trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân. Đối với các khu vực có đông dân cư, bố trí các tấm tôn chắn xung quanh đoạn cần thổi bụi.

- Giai đoạn vận hành:

+ Định kỳ duy tu, bảo dưỡng mặt đường và phun nước làm ẩm khu vực bảo dưỡng trước khi tiến hành duy tu, bảo dưỡng để hạn chế bụi.

+ Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế phân tuyến tại các đoạn phù hợp.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công:

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyên, xử lý theo quy định; tận dụng lại một phần đất đá, gạch ngói, bê tông từ hoạt động phá dỡ nhà cửa, công trình để san nền công trường; phần đất đá loại không thể tận dụng, đất lẫn bentonite được vận chuyên đổ thải tại các bãi chứa được cơ quan có thẩm quyền của địa phương chấp thuận.

+ Bố trí 02 thùng rác có nắp đậy tại mỗi công trường thi công; lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt tại công trường và thực hiện chuyển giao, lập biên bản bàn giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng trên địa bàn thi công để thu gom, vận chuyên, xử lý phù hợp với quy định.

+ Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm bỏ chất thải rắn sinh hoạt vào thùng rác trên công trường; không thải chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường xung quanh.

- Giai đoạn vận hành: Không có.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công:

+ Thu gom, phân loại và lưu chứa toàn bộ khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại mỗi công trường vào 02 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm lưu giữ chất thải nguy hại trong thùng chứa; không thải chất thải nguy hại ra môi trường xung quanh.

+ Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Không có.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác

Không có.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của tiếng ồn

Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng.

b) Biện pháp giảm thiểu độ rung

Các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng; sử dụng các thiết bị có mức rung nguồn thấp; ghi nhận hiện trạng các công trình trước khi thi công.

c) Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn

- Hạn chế thi công vào ngày mưa lũ; không để ngập lụt; đào rãnh dọc, hố ga để thu gom, lắng đọng bùn, đất trước khi thoát nước mưa chảy tràn dọc tuyến thi công dự án ra môi trường; bảo đảm lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ.

3.7. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Không có.

3.8. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện công tác rà phá bom mìn tồn lưu trong toàn bộ khu vực dự án trước khi triển khai thi công xây dựng.

- Xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ, tai nạn lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cấm các biển hiệu, biển cảnh báo giao thông tại các vị trí nút giao, vị trí thi công và các vị trí có nguy cơ tai nạn; bố trí người điều tiết, cảnh báo, phân luồng giao thông đường bộ.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật đảm bảo phòng ngừa, ứng phó sự cố sụt lún, sạt lở các hạng mục công trình và tại các vị trí đỗ tải.

3.9. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đền bù đất và hoa màu theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết; đảm bảo đủ và kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương; tuyên truyền nâng cao ý thức của cán bộ, công nhân viên; phối hợp với cơ quan chức năng, đảm bảo an ninh trật tự; di dời các hệ thống cơ sở hạ tầng (cột điện, cột thông tin và mương tưới tiêu cũ) trước khi thực hiện thi công.

- Trong thời gian xây dựng hạ tầng kỹ thuật thay thế, duy trì sử dụng các công trình điện, thông tin, mương tưới tiêu cũ để đảm bảo không làm gián đoạn hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Dự án không có công trình bảo vệ môi trường thuộc đối tượng phải được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường của Chủ dự án

Chủ dự án thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án thông qua:

a) Quy định trách nhiệm của nhà thầu thi công tuân thủ thực hiện các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường nêu tại mục 3 Phụ lục này trong hợp đồng thi công dự án.

b) Thuê tổ chức tư vấn độc lập hoặc chuyên gia môi trường giám sát, đôn đốc nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt thời gian thi công dự án.

c) Thuê tổ chức quan trắc môi trường độc lập định kỳ thực hiện quan trắc, lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm các chỉ tiêu chất lượng môi trường liên quan trong suốt thời gian thi công dự án.

Chi tiết chương trình quản lý môi trường của Chủ dự án tại mục 4.1 Chương 4 Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được duyệt.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của Chủ dự án

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: (1) điểm đầu dự án Km0+00 giao QL1A, thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu; (2) khu dân cư khu vực chợ Bộng, xã Bảo Thành, huyện Yên Thành tại Km15+100; (3) điểm cuối Km36+00, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương.

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong giai đoạn thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT.

b) Giám sát tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát: 1) điểm đầu dự án Km0+00 giao QL1A, thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu; (2) khu dân cư khu vực chợ Bộng, xã Bảo Thành, huyện Yên Thành tại Km15+100; (3) điểm cuối Km36+00, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương.

- Thông số giám sát: độ ồn (L_{eq}); độ rung (L_{aeq}).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong giai đoạn thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

c) Giám sát nước thải thi công

- Vị trí giám sát: tại 03 vị trí công trường có bố trí hệ thống rửa phương tiện, thiết bị thi công.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, TSS, Dầu mỡ, BOD, COD₅.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong giai đoạn thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT.

d) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng chất thải phát sinh và việc tuân thủ thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nêu tại mục 3.3 và 3.4 Phụ lục này.

- Vị trí giám sát: tại các công trường thi công, bãi chứa tạm dọc tuyến dự án, bãi chứa đất đá loại.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

đ) Giám sát khác

- Nội dung giám sát: giám sát thoát nước dọc tuyến dự án; tình trạng ngập úng, xói lở; lún, nứt công trình; hoàn nguyên môi trường.

- Vị trí giám sát: dọc tuyến dự án và khu vực bãi chứa đất đá loại.

- Tần suất: hàng ngày trong suốt thời gian thi công công trình.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù cho tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất theo quy định.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và vận hành của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường đối với khu vực bãi thải, phối hợp với chính quyền địa phương quản lý giám sát chặt chẽ đảm bảo an toàn, không gây tác động đến môi trường và người dân khu vực xung quanh.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố sạt lở, tràn đổ ảnh hưởng đến đất canh tác của các hộ dân trong quá trình thi công Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành./.